

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **29/2022/DS-ST**

Ngày: 30/5/2022

V/V tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Tiềm

Ông Võ Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: A

Địa chỉ: 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận A1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: bà B – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Địa chỉ: số 6, Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố C1, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: ông D – chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Cai Lay – Chi nhánh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022).

Địa chỉ: quốc lộ 1A, khu phố 1, phường D1, thị xã D2, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông E sinh năm 1990;

Địa chỉ: số 159, Võ Thanh Tâm, khu phố E1, phường E2, thị xã E3, tỉnh Tiền Giang.

(Ông D có đơn xin vắng mặt và ông E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2022 của A, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn A có đại diện theo ủy quyền là ông D trình bày:

Ngày 18/6/2020 ông E có ký với AHợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông E cụ thể như sau:

- Với mức sử dụng là 40.000.000 đồng;
- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân;

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông E đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 91.791.730 đồng và tiền lãi 3.944.885 đồng, tiền phí là 891.081 đồng, tính đến ngày 22/02/2021 ông E đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53.036.583 đồng (tiền vốn 51.306.490 đồng, tiền lãi và phí là 1.730.093 đồng). Kể từ đó đến nay ông E ngưng không thanh toán, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông E không có thiện chí trả nợ. Do ông E vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/02/2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thiếu sang nợ quá hạn. Từ ngày toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn ngày 22/02/2021, tiền lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển.

Tính đến ngày 30/5/2022 ông E còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 43.591.113 đồng;
- Lãi quá hạn: 26.180.616 đồng;
- Tổng cộng: 69.771.729 đồng.

Nay A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông E phải trả cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 69.771.729 đồng (nợ gốc: 43.591.113 đồng, lãi quá hạn 26.180.616 đồng, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 30/5/2022 nếu ông E chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông E đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông E không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông E vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt ông D và ông E tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và bị đơn E cư trú tại số 159, Võ Thanh Tâm, khu phố 1,, phường E1, thị xã E2, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn A có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông D yêu cầu ông E trả số tiền 69.771.729 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch vay tiền giữa Ngân hàng và ông E thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau thể hiện qua giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/6/2020 do Ngân hàng cung cấp có chữ ký tên của ông E và Đại diện Ngân hàng. Hợp đồng có nội dung thể hiện ông E được E cấp thẻ tín dụng với mức sử dụng là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6 %/tháng (lãi suất trong hạn), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, vay tín chấp nên không có tài sản bảo đảm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông E đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 91.791.730 đồng, tiền lãi là 3.944.885 đồng, tiền phí 891.081 đồng, ông E đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 53.036.583 đồng (trong đó tiền vốn là 51.306.490 đồng, tiền lãi và phí là 1.730.093 đồng). Số tiền còn lại ông E ngưng không thanh toán. Trong quá trình vay vốn ông E đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ theo như thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Tính đến ngày xét xử 30/5/2022 ông Kiệt còn nợ Ngân hàng số tiền 69.771.729 đồng. Xét thấy tài liệu chứng cứ Ngân hàng cung cấp có thể hiện số tiền mà ông E vay và còn nợ Ngân hàng.

[4] Bị đơn ông E đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy bị đơn ông E đã biết được số tiền vay mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông E đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không; điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn đã thừa nhận số tiền vay còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn phải trả nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Bị đơn ông E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn E số tiền 69.771.729 đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên ông E phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là $69.771.729 \text{ đồng} \times 5\% = 3.489.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A

Buộc ông E phải có nghĩa vụ trả cho A số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/5/2022 tổng cộng là 69.771.729 đồng (nợ gốc: 43.591.113 đồng, lãi quá hạn: 26.180.616 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/5/2022 ông E còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.489.000 đồng.

Hoàn lại cho A 1.556.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002314 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Thoa

